



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

----- *** -----

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2026

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

BAO GỒM:

- * *BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH*
- * *BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH*
- * *BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*
- * *THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*

Nam Cẩm, ngày 13 tháng 04 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32-khu C-Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Trung Lộc
tỉnh Nghệ An, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I
Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

MẪU SỐ B 01-DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10
năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/03/2026	01/01/2026
1		2	3	4	5
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		59.244.765.033	50.988.643.969
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.610.017.488	3.063.872.360
1.	Tiền	111		5.610.017.488	3.063.872.360
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	130		27.240.698.449	20.789.777.859
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	26.982.352.654	20.578.263.172
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	359.254.588	360.717.900
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu ngắn hạn khác	135	V.4a	248.538.647	200.244.227
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.5	(349.447.440)	(349.447.440)
7.	Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
III.	Hàng tồn kho	140		11.190.046.495	14.152.978.939
1.	Hàng tồn kho	141	V.6	11.190.046.495	14.152.978.939
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
IV.	Tài sản ngắn hạn khác	160		15.204.002.601	12.982.014.811
1.	Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.7a	1.858.472.750	890.166.693
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	162		13.317.611.465	11.845.212.228
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.13a	27.918.386	246.635.890
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂUĐịa chỉ: Lô 32-khu C-Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Trung Lộc
tỉnh Nghệ An, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I**

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**MẪU SỐ B 01-DN**(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10
năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/03/2026	01/01/2026
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		53.179.007.920	54.842.025.668
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		5.990.841.597	5.626.677.131
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu dài hạn khác	215	V.4b	5.990.841.597	5.626.677.131
6.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II.	Tài sản cố định	220		36.836.589.756	37.468.463.131
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	35.629.708.709	36.221.976.636
	<i>Nguyên giá</i>	222		116.240.358.686	114.769.274.317
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(80.610.649.977)	(78.547.297.681)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1.206.881.047	1.246.486.495
	<i>Nguyên giá</i>	228		3.200.254.101	3.200.254.101
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.993.373.054)	(1.953.767.606)
III.	Tài sản dở dang dài hạn	250	V.10	-	1.218.850.117
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		-	1.218.850.117
IV.	Tài sản dài hạn khác	270		10.351.576.567	10.528.035.289
1.	Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.7b	10.351.576.567	10.528.035.289
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	274		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		112.423.772.953	105.830.669.637

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂUĐịa chỉ: Lô 32-khu C-Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Trung Lộc
tỉnh Nghệ An, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I**

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**MẪU SỐ B 01-DN**(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10
năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/03/2026	01/01/2026
C -	NỢ PHẢI TRẢ	300		54.944.819.314	50.997.654.818
I.	Nợ ngắn hạn	310		42.741.403.461	38.903.715.376
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	21.024.510.095	18.285.342.251
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	92.385.302	662.722.889
3.	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		26.650.000	26.650.000
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.13b	775.083.311	429.480.427
5.	Phải trả người lao động	315		4.462.267.606	7.779.394.128
6.	Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.14	653.719.987	828.375.356
7.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9.	Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10.	Phải trả ngắn hạn khác	320	V.15	1.327.794.785	1.337.800.853
11.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.16a	14.741.452.101	9.553.409.198
12.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(362.459.726)	540.274
14.	Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		12.203.415.853	12.093.939.442
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4.	Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6.	Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7.	Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8.	Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.16b	8.672.414.449	8.672.414.449
10.	Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11.	Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13.	Dự phòng phải trả dài hạn	343	V17	3.531.001.404	3.421.524.993
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32-khu C-Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Trung Lộ
tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

MẪU SỐ B 01-DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10
năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2026	01/01/2026
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		57.478.953.639	54.833.014.819
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.749.900.000	42.749.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.749.900.000	42.749.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.657.718.770	5.657.718.770
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9.071.334.869	6.425.396.049
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		6.425.396.049	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		2.645.938.820	6.425.396.049
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		112.423.772.953	105.830.669.637

Người lập biểu

Hoàng Thị Oanh

Kế toán trưởng

Quế Minh Hoàng

Phê duyệt, ngày 13 tháng 04 năm 2026

Giám đốc



Lê Văn Chiến

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32-khu C-Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Trung Lộc
tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

MẪU SỐ B 02-DN

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10
năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý I năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2026	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.a	51.249.326.619	40.028.881.473	51.249.326.619	40.028.881.473
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.a	51.249.326.619	40.028.881.473	51.249.326.619	40.028.881.473
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.b	28.812.300.136	23.810.493.204	28.812.300.136	23.810.493.204
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.437.026.483	16.218.388.269	22.437.026.483	16.218.388.269
6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.c	154.915.448	146.061.628	154.915.448	146.061.628
7. Chi phí tài chính	23	VI.d	584.194.498	105.334.727	584.194.498	105.334.727
Trong đó: chi phí đi vay	24		355.318.969	93.755.554	355.318.969	93.755.554
8. Chi phí bán hàng	25	VI.e	14.884.606.482	11.759.487.209	14.884.606.482	11.759.487.209
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.f	3.458.983.214	2.813.326.382	3.458.983.214	2.813.326.382
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.664.157.737	1.686.301.579	3.664.157.737	1.686.301.579
11. Thu nhập khác	31	VI.g	3	32.392	3	32.392
12. Chi phí khác	32	VI.h	244.848.742	80	244.848.742	80
13. Lợi nhuận khác	40		(244.848.739)	32.312	(244.848.739)	32.312
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.419.308.998	1.686.333.891	3.419.308.998	1.686.333.891

15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.13	773.370.178	394.822.382	773.370.178	394.822.382
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.645.938.820	1.291.511.509	2.645.938.820	1.291.511.509
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.i	548	395	548	395
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		548	395	548	395

Người lập biểu



Hoàng Thị Oanh

Kế toán trưởng



Quế Minh Hoàng

Phê duyệt, ngày 13 tháng 04 năm 2026
Giám đốc




LÊ VĂN CHIẾN

Địa chỉ: Lô 32-khu C-Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Trung Lộc
tỉnh Nghệ An, Việt Nam

(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý I năm 2026

Đơn vị tính: VNĐ



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2026	Năm 2025
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		47.180.237.941	43.309.524.546
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(35.072.458.754)	(16.844.001.512)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(10.093.503.600)	(9.497.946.461)
4. Chi phí đi vay đã trả	04		(348.848.138)	(100.944.584)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(425.086.227)	(376.721.441)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		137.342.454	93.428.299
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.609.368.496)	(3.188.914.454)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.231.684.820)	13.394.424.393
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(412.833.706)	(16.470.664.758)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TS dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.280.783	755.442
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(410.552.923)	(16.469.909.316)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		7.011.942.903	9.238.605.869
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.823.900.000)	(4.150.872.098)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.188.042.903	5.087.733.771

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU**MẪU SỐ B 03 - DN**Địa chỉ: Lô 32-khu C-Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Trung Lộc
tỉnh Nghệ An, Việt Nam(Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I**

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		2.545.805.160	2.012.248.848
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	3.063.872.360	4.081.563.486
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		339.968	(265.335)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>5.610.017.488</u>	<u>6.093.546.999</u>

Lập, ngày 13 tháng 04 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Hoàng Thị Oanh

Quế Minh Hoàng

Lê Văn Chiến

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001715 ngày 28/12/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Ngày 29 tháng 05 năm 2015, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất với mã số doanh nghiệp là 2900859599. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 07 tháng 01 năm 2026.

Tên tiếng anh: ASIA MINERAL JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: AMC

Trụ sở chính của Công ty: Lô 32, khu C, Khu Công Nghiệp Nam Cẩm, xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Vốn góp của Chủ sở hữu tại ngày 31/03/2026 là **42.749.900.000 đồng** (Bằng chữ: Bốn mươi hai tỷ, bảy trăm bốn mươi chín triệu, chín trăm nghìn đồng chẵn).

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Mã chứng khoán niêm yết: AMC.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá vôi trắng siêu mịn.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất và chế biến sản phẩm bột đá trắng siêu mịn các loại làm phụ gia trong các ngành công nghiệp như sơn, nhựa, giấy, cao su, thức ăn chăn nuôi.v.v;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Mua bán sản phẩm bột đá CaCO3 các loại;
- Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Bán lẻ sản phẩm bột đá CaCO3 các loại (Bán trực tiếp tại nhà máy, chuyển phát theo địa chỉ, giao trực tiếp tới nhà người sử dụng, bán lẻ đại lý hưởng hoa hồng)
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất bột trát tường;
- Cát tạo dáng và hoàn thiện đá, chi tiết: Sản xuất sản phẩm bột đá CaCO3 và sản xuất đá xẻ;



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32-khu C-Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Trung Lộc,
tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

(Kèm theo Thông tư 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: Bán buôn đá xẻ và các loại vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Cho thuê mặt bằng;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

6. **Tổng số nhân viên đến ngày 31/03/2026:** 106 nhân viên (tại ngày 31/12/2025: 106 nhân viên)

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần trình bày trong Báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (đ – đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã ban hành tại Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày Báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của Công ty.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ trên máy tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại ngày 31/03/2026:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua bán ngoại tệ chuyển khoản trung bình của các Ngân hàng nơi Công ty có mở tài khoản.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ chuyển khoản trung bình của các Ngân hàng nơi Công ty có mở tài khoản.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển bao gồm: Tiền Việt Nam, ngoại tệ và vàng tiền tệ được sử dụng với chức năng cất trữ giá trị, không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc vào tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa Công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32-khu C-Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Trung Lộc,
tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

(Kèm theo Thông tư 99/2025/TT-BTC

ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Nguyên tắc lập dự phòng phải thu khó đòi: theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ tài chính “Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây dựng tại doanh nghiệp”

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho Bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền theo tháng.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Phương pháp trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ tài chính “Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây dựng tại doanh nghiệp”

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

3.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

3.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32-khu C-Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Trung Lộc,
tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

(Kèm theo Thông tư 99/2025/TT-BTC)

ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền khai thác mỏ

Quyền khai thác mỏ là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để có quyền khai thác mỏ đá.

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO)

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng là toàn bộ các chi phí mà công ty đã chi ra để được cấp Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng.

5.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 30 năm
Máy móc, thiết bị	4 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 12 năm
Quyền khai thác mỏ	20 năm
Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO)	6 năm
Tài sản cố định khác	4 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng cơ bản, sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, nâng cấp, cải tạo TSCĐ.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ được ghi nhận khi chi phí thực tế đã phát sinh nhưng liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ. Nguyên tắc chính bao gồm: phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo thời gian sử dụng, tuân thủ nguyên tắc phù hợp, và theo dõi chi tiết từng khoản.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 13 tháng đến 36 tháng.

8. Nguyên tắc ghi nhận phải trả người bán

Phải trả người bán được ghi nhận dựa trên nghĩa vụ thanh toán thực tế cho nhà cung cấp, phân loại chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn (ngắn/dài hạn) và nguyên tệ. Ghi nhận theo nguyên tắc thận trọng, phản ánh đầy đủ các khoản chiết khấu, giảm giá và đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ đối với các khoản nợ gốc ngoại tệ.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế Công ty chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo, như: cước vận chuyển hàng hóa; chi phí lãi tiền vay; các chi phí sử dụng dịch vụ khác.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Thặng dư vốn cổ phần: được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá trị thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Điều lệ Công ty và được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32-khu C-Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Trung Lộc,
tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

(Kèm theo Thông tư 99/2025/TT-BTC

ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa; giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu do nó tạo ra được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ kế toán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32-khu C-Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Trung Lộc,
tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

(Kèm theo Thông tư 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp đã ghi nhận không được coi là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn, chứng từ thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

17. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu, lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂUĐịa chỉ: Lô 32-khu C-Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Trung Lộc,
tỉnh Nghệ An, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I**

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN***(Kèm theo Thông tư 99/2025/TT-BTC**ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)***19. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

Thuế giá trị gia tăng: Công ty thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT áp dụng là đối với hàng bán trong nước là: 10%, thuế suất thuế GTGT cho hàng xuất khẩu là: 0%

Các loại thuế, phí khác được thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: đ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/03/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
Tiền mặt	186.286.349	387.699.355
Tiền gửi không kỳ hạn (*)	5.423.731.139	2.676.173.005
Cộng	<u>5.610.017.488</u>	<u>3.063.872.360</u>

(*) Chi tiết tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

	<u>31/03/2026</u>		<u>01/01/2026</u>	
	<u>Ngoại tệ</u>	<u>đ</u>	<u>Ngoại tệ</u>	<u>đ</u>
Tiền gửi Việt Nam đồng		4.063.685.700		2.655.472.821
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Vinh		196.545.318		592.630.856
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vinh		1.765.558.230		1.456.510.780
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Nghệ An		2.037.942.407		606.331.185
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thường Tín – Chi nhánh Nghệ An		63.639.745		0
Tiền gửi ngoại tệ (USD)	52.954,32	1.360.045.439	793,81	20.700.184
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vinh	25.528,48	670.046.015	631,40	16.465.018
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Nghệ An	93,79	2.461.706	162,41	4.235.166
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thường Tín – Chi nhánh Nghệ An	27.332,05	687.537.718	0	0
Cộng	<u>52.954,32</u>	<u>5.423.731.139</u>	<u>793,81</u>	<u>2.676.173.005</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂUĐịa chỉ: Lô 32-khu C-Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Trung Lộc,
tỉnh Nghệ An, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I**

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

(Kèm theo Thông tư 99/2025/TT-BTC

ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

2. Phải thu khách hàng

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
a- Ngắn hạn	26.982.352.654	349.447.440	20.578.263.172	349.447.440
20 Microns Limited Chennai 2	9.233.016.407	0	6.331.104.445	0
Công ty TNHH Hiệp Mậu	1.307.552.188	0	997.521.189	0
Công ty TNHH Một thành viên Provimi	991.148.400	0	741.480.480	0
Công ty Cổ phần L.Q JoTon	718.401.392	0	752.907.392	0
Công ty TNHH Thương Mại Quốc Tế Tiến Phát	657.031.500	0	374.908.500	0
Các khách hàng khác	14.075.202.767	349.447.440	11.380.341.166	349.447.440
Cộng	26.982.352.654	349.447.440	20.578.263.172	349.447.440

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/03/2026	01/01/2026
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	0	0
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	359.254.588	360.717.900
Công ty CP tư vấn đầu tư MĐC Việt	250.000.000	250.000.000
Các đối tượng khác	109.254.588	110.717.900
Cộng	359.254.588	360.717.900

4. Phải thu khác

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	248.538.647	0	200.244.227	0
Tạm ứng cho CBCNV	98.538.647	0	111.244.227	0
Phải thu khác của người lao động do ứng lương	0	0	79.000.000	0
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	150.000.000	0	10.000.000	0
b. Dài hạn	5.990.841.597	0	5.626.677.131	0
Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường	5.373.305.838	0	5.009.141.372	0
Các khoản phải thu dài hạn khác	617.535.759	0	617.535.759	0
Cộng	6.239.380.244	0	5.826.921.358	0

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂUĐịa chỉ: Lô 32-khu C-Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Trung Lộc,
tỉnh Nghệ An, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I**

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN***(Kèm theo Thông tư 99/2025/TT-BTC**ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)***5. Nợ xấu**

	31/03/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
<i>Các bên liên quan</i>	0	0	0	0	0	0
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>						
	360.460.200	11.012.760	349.447.440	360.460.200	11.012.760	349.447.440
Công ty Cổ phần Daeil Polychem & Friends	124.000.000		124.000.000	124.000.000		124.000.000
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hưng Đại Nam	97.470.000		97.470.000	97.470.000		97.470.000
Các đối tượng khác	138.990.200	11.012.760	127.977.440	138.990.200	11.012.760	127.977.440
Cộng	360.460.200	11.012.760	349.447.440	360.460.200	11.012.760	349.447.440

6. Hàng tồn kho

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.226.369.549	0	4.698.666.810	0
Công cụ, dụng cụ	42.723.635	0	42.745.138	0
Thành phẩm	6.920.953.311	0	4.526.014.771	0
Hàng gửi đi bán		0	4.885.552.220	0
Cộng	11.190.046.495	0	14.152.978.939	0

Trong kỳ, không có vật tư, hàng hóa được thế chấp tại ngân hàng và các tổ chức khác.

7. Chi phí chờ phân bổ

	31/03/2026	01/01/2026
a. Ngắn hạn	1.858.472.750	890.166.693
Chi phí bảo hiểm	5.350.379	10.471.061
Công cụ dụng cụ	1.820.444.964	879.695.632
Chi phí khác	32.677.407	0
b. Dài hạn	10.351.576.567	10.528.035.289
Công cụ, dụng cụ	127.049.358	141.877.050
Chi phí sửa chữa	40.651.788	71.140.626
Chi phí khác	131.250.000	0
Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ Châu Hồng & Châu Quang	10.052.625.421	10.315.017.613
Cộng	12.210.049.317	11.418.201.982

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	38.295.572.222	63.906.663.413	12.481.206.864	85.831.818	114.769.274.317
XDCB hoàn thành trong kỳ	268.850.117	752.234.252	450.000.000	0	1.471.084.369
Thanh lý TSCĐ	0	0	0	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂUĐịa chỉ: Lô 32-khu C-Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Trung Lộc,
tỉnh Nghệ An, Việt Nam**Mẫu số B 09 - DN**(Kèm theo Thông tư 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I**

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Số cuối kỳ	38.564.422.339	64.658.897.665	12.931.206.864	85.831.818	116.240.358.686
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	8.143.294.956	27.282.142.887	6.133.599.548	85.831.818	41.644.869.209
Chờ thanh lý	0	0	0	0	0
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	23.446.398.524	46.225.275.616	8.789.791.723	85.831.818	78.547.297.681
Khấu hao trong kỳ	668.477.251	1.157.427.955	237.447.090	0	2.063.352.296
Khấu hao giảm trong kỳ	0	0	0	0	0
Số cuối kỳ	24.114.875.775	47.382.703.571	9.027.238.813	85.831.818	80.610.649.977
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	14.849.173.698	17.681.387.797	3.691.415.141	0	36.221.976.636
Số cuối kỳ	14.449.546.564	17.276.194.094	3.903.968.051	0	35.629.708.709
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	0	0	0	0	0
Đang chờ thanh lý	0	0	0	0	0

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền khai thác mỏ	Chứng nhận hệ thống QLCL (ISO)	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.168.435.919	31.818.182	3.200.254.101
Tăng trong kỳ	0	0	0
Số cuối kỳ	3.168.435.919	31.818.182	3.200.254.101
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	0	31.818.182	31.818.182
Chờ thanh lý			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.921.949.424	31.818.182	1.953.767.606
Khấu hao trong kỳ	39.605.448	0	39.605.448
Số cuối kỳ	1.961.554.872	31.818.182	1.993.373.054
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.246.486.495	0	1.246.486.495
Số cuối kỳ	1.206.881.047	0	1.206.881.047

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂUĐịa chỉ: Lô 32-khu C-Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Trung Lộc,
tỉnh Nghệ An, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I**

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN***(Kèm theo Thông tư 99/2025/TT-BTC**ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)***10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>31/03/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>		
Máy sàng rung	0	300.000.000
Máy nghiền đá	0	200.000.000
Hệ thống dây 35KV và trạm biến áp 750KVA-35/0.4KV	0	450.000.000
Nhà vận hành	0	50.000.000
Nhà đa năng	0	218.850.117
Cộng	0	1.218.850.117

11. Phải trả người bán

	<u>31/03/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
a. Ngắn hạn	21.024.510.095	18.285.342.251
Công ty TNHH KS Long Anh	3.938.686.021	3.232.198.728
CN Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp vận Toàn Cầu tại Nghệ An	3.801.223.279	2.788.101.230
Công ty Cổ phần Nhật Việt	2.431.250.959	2.994.400.623
Công ty CP Bao bì Nghệ An	2.252.602.420	2.660.184.881
Công ty TNHH Logistics Hải An	1.968.468.000	1.396.464.000
Các nhà cung cấp khác	6.632.279.416	5.213.992.789
Cộng	21.024.510.095	18.285.342.251

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>31/03/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>92.385.302</i>	<i>662.722.889</i>
Changhung Stone Enterprise Co.,LTD	0	417.556.042
Hebei Guanghui Industrial Co.,LTD	0	94.819.230
Blooming International Co., LTD	0	69.998.720
Các khách hàng khác	92.385.302	80.348.897
Cộng	92.385.302	662.722.889

13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	<u>01/01/2026</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>31/03/2026</u>	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp/bù trừ	Phải thu	Phải nộp
a. Các khoản phải thu						
Thuế nhập khẩu, xuất khẩu	246.635.890	0	1.856.535.958	1.635.811.106	25.911.038	0
Thuế thu nhập cá nhân	0	0	414.350.756	416.358.104	2.007.348	0
Cộng	246.635.890	0	2.270.886.714	2.052.169.210	27.918.386	0
b. Các khoản phải trả						
Thuế thu nhập doanh		0 425.086.227	773.370.178	425.086.227	0	773.370.178

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂUĐịa chỉ: Lô 32-khu C-Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Trung Lộc,
tỉnh Nghệ An, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I**

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**(Kèm theo Thông tư 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

	01/01/2026		Số phát sinh trong kỳ		31/03/2026	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp/bù trừ	Phải thu	Phải nộp
nghiep						
Thuế thu nhập cá nhân	0	2.352.000	0	2.352.000	0	0
Thuế tài nguyên	0	0	2.618.973	1.662.174	0	956.799
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	0	1.762.200	3.306.111	4.711.977	0	356.334
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	0	280.000	11.084.574	10.964.574	0	400.000
Cộng	0	429.480.427	790.379.836	444.776.952	0	775.083.311

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Bột đá bán trong nước 10%

Bột đá xuất khẩu 0%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2026	Năm 2025
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.419.308.998	1.686.333.891
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	447.541.894	287.778.022
- Các khoản điều chỉnh tăng	531.470.390	307.491.802
Chi phí không hợp lệ	289.852.751	279.364.659
Khấu hao TSCĐ tương ứng phần nguyên giá vượt	0	0
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	21.262.500	20.160.564
Các khoản phạt về thuế, phạt hành chính	9.804.574	0
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại các khoản phải thu, tiền	210.550.565	7.966.579
Hoàn nhập CLTG chưa thực hiện kỳ trước, đã thực hiện kỳ này của khoản mục tiền gửi và phải thu có gốc ngoại tệ	0	0
- Các khoản điều chỉnh giảm	83.928.496	19.713.780
Lãi Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản phải thu, tiền	49.007.541	19.713.780
Hoàn nhập CLTG chưa thực hiện kỳ trước, đã thực hiện kỳ này của khoản mục tiền gửi và phải thu có gốc ngoại tệ	34.920.955	0
Thu nhập chịu thuế	3.866.850.892	1.974.111.913
Thu nhập không hưởng ưu đãi	3.866.850.892	1.974.111.913
Thuế suất		
Thuế suất thuế TNDN không hưởng ưu đãi	20%	20%

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂUĐịa chỉ: Lô 32-khu C-Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Trung Lộc,
tỉnh Nghệ An, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I**

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**(Kèm theo Thông tư 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2026	Năm 2025
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	773.370.178	394.822.382
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	773.370.178	394.822.382

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra

Thuế tài nguyên

Công ty nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá hộc trắng với mức thuế suất 15%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. Chi phí phải trả

	31/03/2026	01/01/2026
a) Ngắn hạn	653.719.987	828.375.356
Chi phí lãi vay phải trả	25.013.397	18.542.566
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	628.706.590	809.832.790
Cộng	653.719.987	828.375.356

15. Phải trả, phải nộp khác

	31/03/2026	01/01/2026
a) Ngắn hạn		
Phải trả các bên liên quan	1.202.967.938	1.192.074.990
Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	994.055.269	907.794.858
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	208.912.669	284.280.132
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	124.826.847	145.725.863
Kinh phí công đoàn	14.222.755	13.462.622
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	110.604.092	132.263.241
Cộng	1.327.794.785	1.337.800.853

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

	31/03/2026	Trong năm		01/01/2026
		Tăng	Giảm	
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14.741.452.101	7.011.942.903	1.000.000.000	9.553.409.198
*) Vay ngân hàng – đồng VN	12.269.752.101	7.011.942.903	1.000.000.000	6.257.809.198
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Vinh [1]	12.269.752.101	7.011.942.903	1.000.000.000	6.257.809.198
*) Vay dài hạn đến hạn trả	2.471.700.000			3.295.600.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Vinh [2]	2.471.700.000			3.295.600.000
b. Vay và nợ thuê tài chính	8.672.414.449			8.672.414.449

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂUĐịa chỉ: Lô 32-khu C-Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Trung Lộc,
tỉnh Nghệ An, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I**

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN***(Kèm theo Thông tư 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

	31/03/2026	Trong năm		01/01/2026
		Tăng	Giảm	
<i>dài hạn</i>				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Vinh [2]	8.672.414.449			8.672.414.449
Cộng	24.413.866.550			18.225.823.647

Thuyết minh các khoản vay ngân hàng:

[1] Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 05/25/09PB/HDHM/VND/AMC ngày 23/05/2025, hạn mức cho vay là: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng), thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, nếu hết thời hạn duy trì hạn mức cho vay mà không sử dụng hoặc sử dụng không hết hạn mức cho vay thì không được tiếp tục sử dụng Hạn mức cho vay. Thời Gian cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 6 tháng kể từ ngày tiếp Theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ được ghi trên từng Giấy nhận nợ.

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh được đảm bảo bởi các tài sản sau:

Tài sản gắn liền với thửa đất tại xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 621731 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 31/07/2013 theo Hợp đồng thế chấp số 05/2015/AMC/TCBDS1 ký ngày 14/10/2015.

Máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 05/2018/AMC/TC và 05/2020/AMC/TC ký ngày 28/08/2020.

Xe ô tô theo Hợp đồng thế chấp số 05/2018/AMC/TC1 ký ngày 26/07/2018.

Toàn bộ tài sản máy móc thiết bị hình thành từ dự án đầu tư mở rộng dây chuyền nghiền siêu mịn và tráng phủ bột đá CaCO₃ tăng năng lực sản xuất theo Hợp đồng thế chấp số 05/2024/TC/MMTB/TSHTTTL/AMC ký ngày 29/05/2024.

[2] Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 05/2024/TDH/AMC ngày 30/05/2024; số tiền cho vay tối đa là 17.000.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng trong từng thời kỳ được ghi nhận trên từng giấy nhận nợ. Tiền vay dùng để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Phương án "Đầu tư mở rộng dây chuyền nghiền siêu mịn và tráng phủ bột đá CaCO₃ tăng năng lực sản xuất" tại nhà máy có địa chỉ Lô 32, Khu C - KCN Nam Cẩm, xã Trung Lộc, tỉnh Nghệ An.

Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 05/2025/TDH/AMC ngày 11/04/2025; số tiền cho vay tối đa là 4.296.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng trong từng thời kỳ được ghi nhận trên từng giấy nhận nợ. Tiền vay dùng để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂUĐịa chỉ: Lô 32-khu C-Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Trung Lộc,
tỉnh Nghệ An, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I**

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**

(Kèm theo Thông tư 99/2025/TT-BTC

ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

liên quan đến việc đầu tư thực hiện Phương án "Đầu tư mở rộng dây chuyền nghiền siêu mịn và tráng phủ bột đá CaCO₃ tăng năng lực sản xuất".

Tài sản đảm bảo khoản vay xem chi tiết tại Thuyết minh số V.16[1]

17. Dự phòng phải trả dài hạn

	<u>31/03/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
<i>Dự phòng hoàn nguyên môi trường</i>	3.531.001.404	3.421.524.993
Mỏ Châu Quang	1.756.452.727	1.701.051.526
Mỏ Châu Hồng	1.774.548.677	1.720.473.467
Cộng:	<u>3.531.001.404</u>	<u>3.421.524.993</u>

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	28.500.000.000	18.194.360.710	6.186.953.400	52.881.314.110
Vốn góp tăng năm trước	14.249.900.000	(14.249.900.000)	-	-
Lợi nhuận năm trước	-	-	6.425.396.049	6.425.396.049
Trích lập các quỹ năm trước	-	1.713.258.060	(2.481.953.400)	(768.695.340)
Chia cổ tức năm trước	-	-	(3.705.000.000)	(3.705.000.000)
Số dư cuối năm trước	<u>42.749.900.000</u>	<u>5.657.718.770</u>	<u>6.425.396.049</u>	<u>54.833.014.819</u>
Số dư đầu năm nay	42.749.900.000	5.657.718.770	6.425.396.049	54.833.014.819
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	2.645.938.820	2.645.938.820
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	-
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>42.749.900.000</u>	<u>5.657.718.770</u>	<u>9.071.334.869</u>	<u>57.478.953.639</u>

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>31/03/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	40,00%	17.099.960.000	17.099.960.000
Vốn góp của các cổ đông khác	60,00%	25.649.940.000	25.649.940.000
Cộng	100,00%	<u>42.749.900.000</u>	<u>42.749.900.000</u>

18b. Cổ phiếu

	<u>31/03/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.274.990	4.274.990
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	4.274.990	4.274.990
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.274.990	4.274.990
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	0	0
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.274.990	4.274.990

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂUĐịa chỉ: Lô 32-khu C-Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Trung Lộc,
tỉnh Nghệ An, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I**

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**(Kèm theo Thông tư 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

	<u>31/03/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
- Cổ phiếu phổ thông	4.274.990	4.274.990
- Cổ phiếu ưu đãi	0	0

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>31/03/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
Quỹ đầu tư phát triển	5.657.718.770	5.657.718.770
Cộng:	<u>5.657.718.770</u>	<u>5.657.718.770</u>

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

19. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính**Ngoại tệ các loại**

	<u>31/03/2026</u>		<u>01/01/2026</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị (Đồng)</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị (Đồng)</u>
Dollar Mỹ (USD)	52.954,32	1.360.045.439	793,81	20.700.184
Cộng:	<u>52.954,32</u>	<u>1.360.045.439</u>	<u>793,81</u>	<u>20.700.184</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý I/2026</u>	<u>Quý I/2025</u>
Doanh thu bán hàng hóa	0	1.974.107.328
Doanh thu bán thành phẩm	51.249.326.619	38.034.774.145
Doanh thu cung cấp dịch vụ	0	20.000.000
Cộng	<u>51.249.326.619</u>	<u>40.028.881.473</u>

b. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý I/2026</u>	<u>Quý I/2025</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	0	1.043.721.214
Giá vốn của thành phẩm đã bán	28.812.300.136	22.749.106.742
Giá vốn cung cấp dịch vụ	0	17.665.248
Cộng	<u>28.812.300.136</u>	<u>23.810.493.204</u>

c. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý I/2026</u>	<u>Quý I/2025</u>
Lãi tiền gửi, lãi tiền gửi ký quỹ phục hồi môi trường	2.280.783	755.442
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	152.634.665	145.306.186
Cộng	<u>154.915.448</u>	<u>146.061.628</u>

d. Chi phí tài chính

	<u>Quý I/2026</u>	<u>Quý I/2025</u>
Chi phí lãi vay	355.318.969	93.755.554
Lỗ chênh lệch tỷ giá	228.875.529	11.579.173

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂUĐịa chỉ: Lô 32-khu C-Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Trung Lộc,
tỉnh Nghệ An, Việt Nam**Mẫu số B 09 - DN**(Kèm theo Thông tư 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I**

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Quý I/2026</u>	<u>Quý I/2025</u>
Cộng	584.194.498	105.334.727
e. Chi phí bán hàng		
	<u>Quý I/2026</u>	<u>Quý I/2025</u>
Chi phí nhân viên	587.819.901	443.971.418
Chi phí vật liệu, bao bì	102.809.501	101.320.309
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	0	660.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	14.962.122	14.962.122
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.873.029.314	10.871.575.308
Chi phí bằng tiền khác	305.985.644	326.998.052
Cộng	14.884.606.482	11.759.487.209
f. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Quý I/2026</u>	<u>Quý I/2025</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.608.441.433	1.781.857.069
Chi phí vật liệu quản lý	62.028.080	79.039.105
Chi phí đồ dùng văn phòng	105.091.232	114.306.076
Chi phí khấu hao TSCĐ	131.502.528	145.456.382
Thuế, phí và lệ phí	17.591.835	93.647.072
Chi phí dịch vụ mua ngoài	191.464.774	262.318.477
Chi phí bằng tiền khác	342.863.332	336.702.201
Cộng	3.458.983.214	2.813.326.382
g. Thu nhập khác		
	<u>Quý I/2026</u>	<u>Quý I/2025</u>
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	3	32.392
Cộng	3	32.392
h. Chi phí khác		
	<u>Quý I/2026</u>	<u>Quý I/2025</u>
Tiền phạt hành chính, chậm nộp thuế	9.804.574	0
Chi phí khác	235.044.168	80
Cộng	244.848.742	80
i. Lãi trên cổ phiếu		
i. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
	<u>Quý I/2026</u>	<u>Quý I/2025</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.645.938.820	1.291.511.509
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành (*)	(302.093.882)	(166.651.151)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế		

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32-khu C-Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Trung Lộc,
tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

(Kèm theo Thông tư 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

	<u>Quý I/2026</u>	<u>Quý I/2025</u>
toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.343.844.938	1.124.860.358
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (**)	4.274.990	2.850.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	548	395

(*) Các khoản điều chỉnh giảm bao gồm: Công ty ước quỹ khen thưởng phúc lợi để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu căn cứ vào tỷ lệ trích quỹ năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2025 cộng số ước tính chi khen thưởng cho Ban điều hành.

(**) Trong năm 2026, căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ Quỹ đầu tư phát triển.

ii. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Số tiền đi vay thực thu trong năm:

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 7.011.942.903 đồng

Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 1.823.900.000 đồng

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

a. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

i. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, người quản lý được hưởng trong kỳ như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂUĐịa chỉ: Lô 32-khu C-Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Trung Lộc,
tỉnh Nghệ An, Việt Nam**Mẫu số B 09 - DN**(Kèm theo Thông tư 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I**

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quý I/2026	Quý I/2025
Thù lao Hội đồng quản trị	527.841.191	433.026.286
- Phạm Việt Hùng – Chủ tịch HĐQT	442.791.191	352.384.027
- Lê Văn Chiến - Thành viên HĐQT	21.262.500	20.160.565
- Nguyễn Văn Hùng – Thành viên HĐQT	21.262.500	20.160.565
- Nguyễn Thành Hưng – Thành viên HĐQT	21.262.500	20.160.565
- Nguyễn Thị Ngân - Thành viên HĐQT	21.262.500	20.160.565
Lương, thưởng của người quản lý	784.146.268	623.349.176
- Lê Văn Chiến - Giám đốc	481.123.032	382.709.215
- Quế Minh Hoàng - Kế toán trưởng	303.023.237	240.639.961
Lương, thù lao của Ban kiểm soát	47.190.000	43.927.005
- Bùi Nam Anh – Trưởng ban kiểm soát	18.876.000	17.570.802
- Hà Thị Trang – Thành viên ban kiểm soát	14.157.000	13.178.102
- Trần Thị Hồng Thái - Thành viên ban kiểm soát	14.157.000	13.178.102
Cộng	1.359.177.459	1.100.302.467

ii. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác**Mối quan hệ**

Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế

Cổ đông nắm giữ 40% vốn

Công nợ với Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế cuối kỳ như sau:

- Tiền thuê đất:	262.314.000
- Tiền bảo hiểm phải nộp về Tổng Công ty:	731.741.269
	994.055.269

Công nợ với Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

b. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Trong nước	Xuất khẩu	Cộng
Kỳ này			
Tổng doanh thu phân bổ	15.422.455.179	35.826.871.440	51.249.326.619
Tổng chi phí phân bổ	14.014.538.735	29.682.367.883	43.696.906.618
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.407.916.444	6.144.503.557	7.552.420.001
Doanh thu không phân bổ theo bộ phận			154.915.451
Chi phí không phân bổ theo bộ phận			5.061.396.632
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			2.645.938.820
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			1.625.037.369
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	732.273.651	1.701.095.815	2.433.369.466

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂUĐịa chỉ: Lô 32-khu C-Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Trung Lộc,
tỉnh Nghệ An, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I**

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Mẫu số B 09 - DN**(Kèm theo Thông tư 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

	<u>Trong nước</u>	<u>Xuất khẩu</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ trước			
Tổng doanh thu phân bổ	16.828.962.079	23.199.919.394	40.028.881.473
Tổng chi phí phân bổ	17.102.827.560	18.467.152.853	35.569.980.413
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(273.865.481)	4.732.766.541	4.458.901.060
Doanh thu không phân bổ theo bộ phận			146.094.020
Chi phí không phân bổ theo bộ phận			3.313.483.571
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			1.291.511.509
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			6.408.262.663
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.053.169.389	1.451.868.797	2.505.038.186

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	<u>Trong nước</u>	<u>Xuất khẩu</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ			
Tài sản bộ phận	8.626.873.300	18.355.479.354	26.982.352.654
Tài sản không phân bổ			85.441.420.299
Tổng tài sản			112.423.772.953
Nợ phải trả bộ phận	92.385.302		92.385.302
Nợ phải trả không phân bổ			54.852.434.012
Tổng nợ phải trả			54.944.819.314
Số đầu kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	8.388.881.403	12.189.381.769	20.578.263.172
Các tài sản không phân bổ của bộ phận			85.252.406.465
Tổng tài sản			105.830.669.937
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	80.348.897	582.373.992	662.722.889
Nợ phải trả không phân bổ của bộ phận			50.334.931.929
Tổng nợ phải trả			50.997.654.818

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá siêu mịn.
- Lĩnh vực dịch vụ vận chuyển.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	<u>Quý I/2026</u>	<u>Quý I/2025</u>
Lĩnh vực sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá siêu mịn	51.249.326.616	40.028.881.473
Lĩnh vực dịch vụ vận chuyển	0	0
Cộng	51.249.326.616	40.028.881.473

c. CAM KẾT HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32-khu C-Khu Công nghiệp Nam Cẩm, xã Trung Lộc,
tỉnh Nghệ An, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I

Kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

(Kèm theo Thông tư 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Công ty đã ký Hợp đồng thuê đất nộp tiền hàng năm số 242/HĐ-TĐ ngày 31/12/2015 với Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, thuê đất tại xã Châu Hồng, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An với mục đích khai thác khoáng sản (đá hoa). Thời hạn thuê đất đến ngày 15/05/2037. Diện tích đất thuê là 120.360 m².

Ngoài ra, Công ty đã thực hiện ký Hợp đồng thuê đất nộp tiền hàng năm số 40/HĐ-TĐ ngày 22/04/2021 với Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, thuê đất tại xã Châu Hồng, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An với mục đích xây dựng công trình phụ trợ và bãi thải phục vụ khai thác mỏ đá hoa tại bản Ngọc, xã Châu Hồng. Thời hạn thuê đất đến ngày 01/07/2037. Diện tích đất thuê là 16.434,4 m².

d. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 03 năm 2026 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

đ. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán.

Công ty

Người lập biểu



Hoàng Thị Oanh

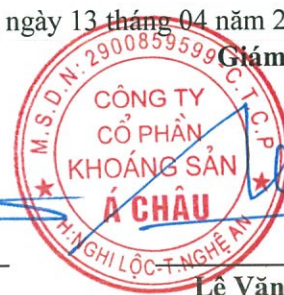
Lập, ngày 13 tháng 04 năm 2026

Kế toán trưởng



Quế Minh Hoàng

Giám đốc




Lê Văn Chiến

